

Số: 23/2025/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 26 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1982

HKTT/Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Hưng Yên

Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1985

HKTT/Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Hưng Yên

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu **Nguyễn Lê Huy H**, sinh ngày 27/12/2007

HKTT/Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Hưng Yên

Cháu **Nguyễn Lê Thanh T1**, sinh ngày 10/10/2010

HKTT/Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo pháp luật của cháu H, cháu T1 là chị Lê Thị T (mẹ đẻ cháu).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã M, tỉnh Nghệ An) ngày 03/5/2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2006, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong những năm đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng tương đối hòa thuận. Tuy nhiên, từ khoảng năm 2009,

anh chị bắt đầu có những bất đồng về quan điểm sống và cách giải quyết các vấn đề trong gia đình. Đến năm 2011, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn nên anh chị quyết định sống ly thân. Từ đó đến nay, vợ chồng anh chị đã sống ly thân hơn 14 năm. Trong thời gian này, mỗi người sống riêng, tự lo cuộc sống của mình, không hỏi han, quan tâm gì đến nhau. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ, động viên anh chị quay về chung sống, nhưng cả hai đều cảm thấy không thể hàn gắn được nữa.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Q và chị T đã trầm trọng, vợ chồng ly thân kéo dài hơn 14 năm và không còn quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ anh chị chung sống với nhau không có hạnh phúc, hôn nhân trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh chị có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị T.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị T cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Huy H, sinh ngày 27/12/2007 và cháu Nguyễn Lê Thanh T1, sinh ngày 10/10/2010.

Nay ly hôn, anh Q và chị T cùng thống nhất thỏa thuận:

Chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Lê Huy H và cháu Nguyễn Lê Thanh T1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q và chị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn của anh Q và chị T là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên, phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất đai: Anh Q và chị T cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Q và chị T thỏa thuận thống nhất để anh Q nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật nên sẽ chấp nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18/9/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị T đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Q và chị T cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Huy H, sinh ngày 27/12/2007 và cháu Nguyễn Lê Thanh T1, sinh ngày 10/10/2010.

Nay ly hôn, anh Q và chị T thỏa thuận thống nhất: Chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Lê Huy H và cháu Nguyễn Lê Thanh T1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh Q và chị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất đai:** Anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí:

Hai bên thống nhất thỏa thuận để anh Q nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001086 ngày 15/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh Q đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An (nay là: UBND xã Minh Châu, tỉnh Nghệ An) - (ĐKKH số 17, quyển số 01/2006 ngày 03/5/2006);
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Trần Hoàng Lâm